TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HS-ST
Ngày: 09-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phú Hữu.

Ông Huỳnh Văn Kiều.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Hoàng Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXXST-HS ngày 28/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2026/HSST-QĐ ngày 09/02/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh D, sinh năm 2002, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 05, khóm H, phường C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Hồng V (chết); Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: Lê Thanh B, sinh năm 2000, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Tổ F, Khóm E, phường M, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh P và bà Lê Thị Kim T; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1991, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 28, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T1 và bà Trần Thị N; Có vợ tên Lê Thị Cẩm T2 (đã ly hôn năm 2021), chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Lê Hồng L, sinh năm 1983. Cư trú: Số B, đường H, Tổ B, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Đăng K, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Cư trú: Số B, Đường C, Tổ A, Khóm B, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Võ Văn N1, sinh năm 1990; (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ B, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Võ Hùng Q, sinh năm 2003; (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ A, khóm H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Hồ Phú T3, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ A, khóm H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Trương Thị Mỹ P1, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 32, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 02/12/2024, Nguyễn Thanh D cùng với Nguyễn Tấn H1, Lê Thanh B, Võ Thanh N2 và Võ Hùng Q là bạn bè quen biết ngoài xã hội, cùng đến quán ăn T4 tại địa chỉ: Tổ B, khóm T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp), để uống bia. Lúc này, trong quán có Nguyễn Đăng K, Lê Hồng L đang ngồi trong quán uống bia, ở bàn kế bên. Đến khoảng 21 giờ, do quen biết nhau nên K đi đến bàn của D để mời bia, thì xảy ra mâu thuẫn trong lời nói nên K về bàn của mình. Lúc này, D dùng lời lẽ thô tục, lớn tiếng chửi K, B dùng nhiều ly thủy tinh loại uống bia và chén trên bàn, ném về hướng L và K, K đưa tay phải lên đỡ nên bị thương tích. Danh cầm ly thủy tinh đi lại bàn của K và L, dùng lời lẽ thô tục chửi và có ý định đánh K, nên L dùng tay đẩy D ra thì D xông vào để đánh K. L thấy D có hành động định đánh L và K, gây hư hỏng đồ vật, tài sản trong quán nên đã ôm D để kéo ra khỏi quán. Lúc này, H1 chạy đến bênh vực cho D nên đã dùng tay đánh vào người L, B cầm 02 chén chạy theo đe dọa đánh K. Khi D và L ôm vật ra khỏi quán thì cả hai ngã xuống đường dal. Sự việc kéo dài khoảng 10 phút, nhiều người la hét, chửi thề lớn tiếng, N2, Q và những người có mặt tại quán can ngăn nên tất cả dừng lại, khách tại quán hoảng sợ bỏ đi, K được đưa đến Bệnh viện Đ, điều trị thương tích. L và D bị thương tích, nhưng không đến bệnh viện điều trị.

Vật chứng thu giữ: Nhiều mảnh vỡ thủy tinh, sứ (đã trả lại cho Lê Hồng L); 01 USB chứa 03 tập tin video clip 6096920653773.mp4; 6096920660944.mp4 và 6096920666868.mp4.

Tại Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 443/KLTTCT-TTPYĐT, ngày 20/02/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ đối với Nguyễn Đăng K, kết luận: Sẹo vết thương phần mềm mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%; 02 sẹo vết thương phần mềm mặt sau cổ tay phải, kích thước nhỏ, mỗi sẹo 01%; Sẹo mổ mặt sau cổ tay phải, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 04%. Kết luận khác: Sẹo mổ do quá trình điều trị; Các tổn thương còn lại do vật sắc gây ra; Cơ chế hình thành tổn thương do ngoại lực tác động.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 556/KLTTCT-TTPYĐT, ngày 11/4/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với Nguyễn Thanh D, như sau: Sẹo vết thương phần mềm đỉnh đầu trái, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%; Sẹo vết thương phần mềm chẩm trái theo chiều dọc, kích thước trung bình, tỷ lệ tổn thương 02%; Sẹo vết thương phần mềm chẩm trái ngang sau vành tay trái, kích thước trung bình, tỷ lệ tổn thương 02%; Sẹo vết thương phần mềm mặt trước 1/3 dưới cánh tay trái, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thanh D tại thời điểm giám định là 06%. Kết luận khác: Các tổn thương còn lại do vật sắc gây ra; Cơ chế hình thành tổn thương do ngoại lực tác động.

Tại Kết luận giám định số 1765/KL-KYHS ngày 23/12/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ đối với 03 đoạn video ghi lại sự việc gây rối, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 03 tệp video mẫu cần giám định.

Theo Công văn số 926/UBND-CA ngày 03/4/2025 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C tỉnh Đồng Tháp) thể hiện: Vụ việc xảy ra đã ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Khi vụ việc xảy ra, hành vi của các đối tượng thể hiện tính côn đồ, manh động và cố ý.

Lê Hồng L đã nhận tiền bồi thường tài sản bị hư hỏng, tiền điều trị thương tích tổng cộng 2.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Lê Thanh B, Nguyễn Thanh D và Nguyễn Tấn H1 đã bồi thường cho Nguyễn Đăng K tổng cộng 30.000.000 đồng, K đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm và không yêu cầu xử lý hình sự đối với B, D và H1 về tội Cố ý gây thương tích. Lê Hồng L có đơn từ chối giám định thương tích, L và Nguyễn Thanh D có đơn không yêu cầu xử lý người gây thương tích.

Trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận hành vi của các bị cáo như nội dung nêu trên và thống nhất với kết luận giám định.

Cáo trạng số: 25/CT-VKS-KV6 ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh Danh, Lê Thanh Bảo, Nguyễn Tấn H1 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Xét hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Gây rối trật tự công*

cộng". Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh D, Lê Thanh B, Nguyễn Tấn H1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thanh B mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn H1 mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận và lời nói sau cùng của các bị cáo là xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội và điều luật áp dụng để định tội. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thanh D, Lê Thanh B, Nguyễn Tấn H1 thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn trong lời nói, nên vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 02/12/2024, D dùng lời lẽ thô tục và cầm ly thủy tinh đến bàn Nguyễn Đăng K, chửi lớn tiếng và định đánh K, B dùng nhiều ly thủy tinh loại uống bia và chén trên bàn, ném về hướng K và Lê Hồng L, L dùng tay đẩy D ra thì D tiếp tục xông vào để đánh K. Khi Lâm ôm D để kéo ra khỏi quán thì cùng ngã xuống đường, H1 chạy đến dùng tay đánh vào người L, B cầm 02 chén chạy theo đe dọa đánh K. Sự việc kéo dài khoảng 10 phút, nhiều

người la hét, chửi thề lớn tiếng, gây náo loạn, làm cho khách trong quán hoảng sợ bỏ đi. Vụ việc xảy ra đã ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Ngày 03/4/2025 Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) có Công văn số 926/UBND-CA xác định nội dung như sau: Vụ việc xảy ra đã ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Khi vụ việc xảy ra, hành vi của các đối tượng thể hiện tính côn đồ, manh động và cố ý.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết rõ hành vi gây rối trật tự tại nơi công cộng sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mọi người, gây mất ổn định, tính có tổ chức, có kỷ luật ở nơi công cộng nhưng vẫn thực hiện là lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, vi phạm quy tắc sống lành mạnh, nếp sống văn minh, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mọi người ở nơi công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, các bị cáo Nguyễn Thanh D, Lê Thanh B, Nguyễn Tấn H1 đã phạm tội "Gây rối trật tự công cộng", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Việc truy tố, xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hành vi của các bị cáo là vô kỷ luật, làm náo loạn, mất trật tự nơi công cộng, gây ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của mọi người, tạo ra sự hoang mang, bất bình và bất an trong Nhân dân. Vì vậy, phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để trừng trị, giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Trong vụ án, tuy có nhiều người cố ý cùng thực hiện tội phạm nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau và không chịu sự chỉ huy, điều khiển của người nào nên có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, trong đó bị cáo D là người khởi xướng và thực hành quyết liệt nhất, có vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo B và H1.

Do đó, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại về sức khỏe và tài sản của người khác mà các bị cáo gây ra khi thực hiện hành vi phạm tội và các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao

động chính trong gia đình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Đối với bị cáo H1, có vai trò không đáng kể, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã áp dụng đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo để không chỉ đề cao hiệu quả phòng ngừa, đảm bảo tính nghiêm minh mà còn đảm bảo sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H1 đã bồi thường thiệt hại do làm hư hỏng tài sản, chi phí điều trị thương tích cho anh Lê Hồng L là 782.000 đồng (bị cáo H1 đưa cho anh L tổng số tiền là 2.000.000 đồng, trong đó tiền hóa đơn cho tiệc nhậu là 1.218.000 đồng, bị cáo H1 không yêu cầu các bị cáo còn lại hoàn trả phần tiền tương ứng với trách nhiệm của họ mà bị cáo H1 đã thực hiện thay cho họ) và các bị cáo đã cùng nhau bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh Nguyễn Đăng K là 30.000.000 đồng, anh L và anh K không yêu cầu bồi thường gì thêm và không còn ai khác yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án 01 thẻ nhớ chứa tệp video ghi lại hình ảnh các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

[6] Về các vấn đề khác: Nguyễn Đăng K không yêu cầu xử lý hình sự đối với B, D và H1 về tội Cố ý gây thương tích; Lê Hồng L có hành vi ôm D để kéo ra khỏi quán do thấy D có hành động định đánh mình, L có đơn từ chối giám định thương tích, L và Nguyễn Thanh D có đơn không yêu cầu xử lý người gây thương tích nên không xem xét, xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh D, Lê Thanh B và Nguyễn Tấn H1 cùng phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh B 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn H1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Lưu hồ sơ vụ án 01 USB chứa 03 tập tin video clip 6096920653773.mp4; 6096920660944.mp4 và 6096920666868.mp4 được niêm phong trong bao thư màu trắng (đã đưa vào hồ sơ vụ án, bút lục số 65).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh D, Lê Thanh B, Nguyễn Tấn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV6 – Đồng Tháp;
- CQ CSĐT CA tỉnh ĐT;
- CQ THAHS CA tỉnh ĐT;
- Phòng HSNV CA tỉnh ĐT và Phòng THADS KV6 –ĐT (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nữ Thu Hân